

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5- 2025

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Tiến Dũng.

Ông Nguyễn Ngọc Giao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn P (tên gọi khác: Phan Xuân P1); sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm H, xã B, huyện G, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm H, xã B, huyện G, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10-4-2025, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Phan Văn P trình bày: Ông và bà Lê Thị T tự nguyện tìm hiểu đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện G cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12-11-1994. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng có 02 con chung là Phan Thị N, sinh ngày 18-12-1995 và Phan Quý P2, sinh ngày 05-9-2003; cháu N đã trưởng thành, cháu P2 đã chết năm 2024. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho

ông được ly hôn bà Lê Thị T; không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 15-4-2025 bị đơn bà Lê Thị T trình bày: Bà và ông Phan Văn P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 12-11-1994. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông P đi làm xa không quan tâm gì đến vợ con. Vợ chồng có 02 con chung là Phan Thị N, sinh ngày 18-12-1995 và Phan Quý P2, sinh ngày 05-9-2003; cháu N đã trưởng thành, cháu P2 đã chết năm 2024. Nay ông P có đơn ly hôn, bà đồng ý. không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản.

Tại biên bản xác minh ngày 16-4-2025, đại diện chính quyền địa phương xã B cung cấp: Ông Phan Văn P và bà Lê Thị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 12-11-1994 và đã có 02 con chung là Phan Thị N, sinh ngày 18-12-1995 và Phan Quý P2, sinh ngày 05-9-2003 (đã chết năm 2024); vợ chồng không vướng mắc gì về kinh tế đối với địa phương. Nay ông P có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa ông Phan Văn P và bà Lê Thị T; về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phan Văn P và bà Lê Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn P và bà Lê Thị T tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 12-11-1994 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông P và bà T mâu thuẫn đã trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, chấp nhận nguyện vọng của ông P xin ly hôn bà T là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Thị N, sinh ngày 18-12-1995 và Phan Quý P2, sinh ngày 05-9-2003; cháu N đã trưởng thành, cháu P2 đã chết năm 2024; Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Phong phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Anh P, chị T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa ông Phan Văn P và bà Lê Thị T.

2. Về án phí ly hôn: Ông Phan Văn P phải nộp 300.000 đồng. Ông P đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002345 ngày 10-4-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy; nay đối trừ, ông P đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Phan Văn P và bà Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã Bình Hoà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Trần Thị Thu Hiền